

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 82/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 11 - 2024

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nguyên Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Phi Hùng

Ông Bùi Văn Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Lệ Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2024/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14/11/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị N, sinh năm 2003 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm B, phường V, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh L, sinh năm 1991 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã H, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và bản khai đề ngày 07/10/2024 của nguyên đơn chị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị N và anh L tiến đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán Việt Nam và có đăng ký kết hôn vào ngày 27/02/2023 tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình anh L nhưng sau một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên

cự cãi nhau mặc dù nhiều lần chị N cố gắng hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Do cuộc hôn nhân không còn hạnh phúc từ tháng 01/2024 đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị N và anh L 01 con chung là cháu Trần K, sinh ngày 27/01/2023 hiện do chị N đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/11/2024, bị đơn anh L trình bày:*

Anh L thống nhất với trình bày của chị N về quá trình hình thành hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng. Hiện nay anh đang chấp hành án tại Trại giam L, tỉnh T và xin được vắng mặt tại phiên tòa. Qua yêu cầu khởi kiện của chị N thì anh đồng ý ly hôn và giao con chung là cháu Trần K, sinh ngày 27/01/2023 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại phiên tòa:* Chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không có bổ sung tài liệu, chứng cứ mới.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Yến Nhi.

Về hôn nhân: Chị N được ly hôn với anh L.

Về con chung: Giao cháu Trần K, sinh ngày 27/01/2023 cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh L chưa phải cấp dưỡng cho con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị N và anh L khai không có nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con với bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ việc thì bị đơn cư trú tại thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị N và anh L tiến đến hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 27/02/2023 tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Chị N và anh L đều thừa nhận, quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Mặt khác, chị N yêu cầu được ly hôn với anh L và anh L đồng ý, từ đó cho thấy hôn nhân giữa chị N và anh L lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu của chị N xin ly hôn với anh L là có cơ sở và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị N và anh L có 01 con chung là cháu Trần K, sinh ngày 27/01/2023 hiện chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị N và anh L thỏa thuận giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chị N tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con.

Xét sự thỏa thuận trên của chị N và anh L là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được công nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh L đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị N được ly hôn với anh L.

1.2. Về con chung: Giao cháu Trần K, sinh ngày 27/01/2023 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh L chưa phải cấp dưỡng cho con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh L đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012899 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

3. Về thời hạn kháng cáo: Chị N và anh L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TX Bình Minh;
- Chi cục THADS TXBM;
- UBND xã H;
- Các đ/s;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Nguyên Khoa